

Số: 293 /SNV-CCHC

Quảng Bình, ngày 25 tháng 03 năm 2014

V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm
điểm để xác định Chỉ số CCHC
xã, phường, thị trấn

Kính gửi: Chủ tịch UBND cấp xã.

Thực hiện Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số CCHC cấp sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình", Sở Nội vụ hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) hàng năm như sau:

1. Tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần

Để triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC hàng năm, trách nhiệm của UBND cấp xã là tiến hành tự đánh giá, chấm điểm kết quả CCHC của năm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC (*Phụ lục 3 Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình*), không tự đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định đánh giá qua điều tra xã hội học. Thời gian đánh giá sẽ là đầu Quý I năm sau, liền kề năm đánh giá. Việc tự đánh giá, chấm điểm của UBND cấp xã bắt buộc phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc đánh giá, chấm điểm.

Sở Nội vụ hướng dẫn thống nhất đánh giá, chấm điểm một số tiêu chí (viết tắt là TC), tiêu chí thành phần (viết tắt là TCTP) cấp xã như sau:

- TCTP 1.1.1: Nếu thời điểm ban hành Kế hoạch đúng thời gian quy định (*theo hướng dẫn của UBND cấp huyện*) thì điểm đánh giá bằng 1,5. Không ban hành hoặc ban hành không đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.2: Các nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của cấp xã được xác định đầy đủ theo các lĩnh vực CCHC (*theo hướng dẫn của UBND cấp huyện*) thì điểm đánh giá bằng 0,5. Nếu nhiệm vụ CCHC không được xác định đầy đủ các lĩnh vực quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.3: Có bố trí kinh phí riêng triển khai các nhiệm vụ CCHC cấp xã thì điểm đánh giá bằng 0,5; không bố trí kinh phí riêng triển khai các nhiệm vụ CCHC cấp xã thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.4: Kết quả phải đạt (sản phẩm đầu ra) được xác định rõ, cụ thể về số lượng, gắn với trách nhiệm triển khai của tổ chức, các nhân và có quy định rõ thời gian hoàn thành thì điểm đánh giá bằng 0.5. Nếu không đạt được một trong số các yêu cầu thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.1.5: Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, UBND cấp xã xem xét kết quả, sản phẩm đã hoàn thành, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với tổng số). Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.2.1: UBND cấp xã phải định kỳ báo cáo công tác CCHC (*theo hướng dẫn và quy định thời gian của UBND cấp huyện*). Đủ số lượng báo cáo và đúng thời gian quy định thì điểm đánh giá bằng 3; nếu thiếu báo cáo quý hoặc chậm so với thời gian quy định thì trừ 0,5 điểm/1 báo cáo; thiếu báo cáo 6 tháng hoặc báo cáo năm hoặc chậm so với thời gian quy định thì trừ 1 điểm/1 báo cáo.

- TCTP 1.2.2: Các báo cáo có đầy đủ nội dung (*theo hướng dẫn của UBND cấp huyện*) thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không đầy đủ nội dung theo quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.3.1: Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Có kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm của UBND cấp xã). Nếu có kế hoạch tuyên truyền thì điểm đánh giá bằng 1; không có kế hoạch tuyên truyền thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.3.2: Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC được tính theo %, nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 1.4: Sáng kiến là những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả trong thực hiện kế hoạch CCHC của UBND cấp xã (Ví dụ: Việc đổi mới trong đánh giá cán bộ, công chức, tổ chức các hội thi, cuộc thi tìm hiểu về CCHC đạt kết quả cao,...). Nếu tập thể, cá nhân thuộc UBND cấp xã có sáng kiến trong cải cách hành chính thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có sáng kiến thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.6.1: Có bố trí, sử dụng hòm thư góp ý tại UBND cấp xã và ban hành quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về

quy định hành chính thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không có hòm thư góp ý và không ban hành quy chế xử lý thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.6.2: Thực hiện mở hòm thư góp ý và xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị tại UBND cấp xã tuân thủ đúng quy chế xử lý phản ánh, kiến nghị thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện mở hòm thư và xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị không đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.7.1: Có bố trí, sử dụng đường dây nóng tại UBND cấp xã và ban hành quy chế xử lý các đơn thư phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính bằng hình thức đường dây nóng thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không bố trí, sử dụng đường dây nóng và không ban hành quy chế sử dụng đường dây nóng thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 1.7.2: Thực hiện giải quyết các phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức qua đường dây nóng đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện giải quyết các phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức qua đường dây nóng không đúng quy chế thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.1.1: Nếu có kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) cấp xã thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.1.2: Trên cơ sở kế hoạch, chương trình xây dựng văn bản QPPL hàng năm của UBND cấp xã, từ đó xác định số văn bản QPPL do UBND cấp xã ban hành trong năm so với kế hoạch; nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.1.3: Đối chiếu việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL của UBND cấp xã với các quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND và các quy định khác có liên quan. Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có văn bản QPPL xây dựng không đúng quy trình thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.1: UBND cấp xã ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Nếu có ban hành kịp thời trong tháng 1 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có ban hành nhưng chậm sau tháng 1 của năm kế hoạch hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.2: Mức độ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi UBND cấp xã ban hành được tính theo tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch. Nếu hoàn thành so với kế hoạch trên 80% thì điểm đánh giá bằng 1; từ

70 - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50 - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.2.3: Thông qua rà soát phát hiện những văn bản QPPL còn hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ..., xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Nếu việc xử lý thực hiện theo đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1, không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.1: Thông kê đầy đủ số văn bản QPPL do Trung ương (Chính phủ, các bộ, ngành), của tỉnh, của huyện ban hành trong năm trên các lĩnh vực quản lý nhà nước mà cấp xã phải triển khai thực hiện. Đánh giá tỷ lệ % số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định (thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định trong văn bản, thời điểm triển khai đúng theo quy định hiệu lực của văn bản, thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan) so với tổng số văn bản QPPL được ban hành trong năm. Căn cứ tỷ lệ % xác định được để chấm điểm, nếu tỷ lệ trên 80% thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70 - 80% thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50 - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.2: Nếu có ban hành kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại UBND cấp xã theo quy định thì điểm đánh giá bằng 1; không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.3: Mức độ thực hiện kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại UBND cấp xã được tính theo tỷ lệ %. Nếu hoàn thành so với kế hoạch trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70 - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50 - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 2.3.4: Qua tự kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại UBND cấp xã, thông kê số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Nếu tất cả các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 1; nếu hầu hết các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,7; nếu chỉ có một số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá bằng 0,4; nếu không xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì bằng 0.

- TCTP 3.1.1: Trên cơ sở kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) do UBND cấp huyện yêu cầu, đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch, UBND cấp xã xem xét mức độ thực hiện so với kế hoạch. Nếu thực hiện được trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70 - 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng

0,7; từ 50 - dưới 70% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.2: Nội dung kế hoạch rà soát TTHC trong kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC hàng năm đảm bảo đúng theo yêu cầu của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. Trong đó phải xác định rõ TTHC cần rà soát, đánh giá, cơ quan thực hiện, thời gian thực hiện, căn cứ lựa chọn và dự kiến sản phẩm. Nếu có nội dung kế hoạch đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá bằng 1; nếu nội dung kế hoạch không đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 3.1.3: Qua rà soát, cơ quan phát hiện và xây dựng phương án kiến nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC không phù hợp thì điểm đánh giá bằng 1, không xây dựng phương án sửa đổi, bổ sung thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 3.2:

+ a) Xác định tỷ lệ % tổng số các TTHC đã công khai đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã so với tổng số các TTHC phải công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã theo quy định. Nếu đạt 100% thì điểm đánh giá bằng 1; từ 80 - dưới 100% thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50 - dưới 80% thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

+ b) Rà soát, đánh giá các quy định về TTHC trong các văn bản QPPL đã ban hành để kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định còn bất cập, vướng mắc. Nếu thực hiện tốt, chất lượng tốt thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu có thực hiện nhưng kết quả chưa tốt thì điểm đánh giá bằng 0,25; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

+ c) Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định về TTHC theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC. Nếu thực hiện đúng quy định, kết quả tốt thì điểm đánh giá bằng 0,5; nếu có thực hiện nhưng kết quả chưa tốt thì điểm đánh giá bằng 0,25; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 4.1: Tuân thủ và thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, UBND tỉnh về tổ chức bộ máy. Nếu UBND cấp xã bố trí, sắp xếp đúng theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện không đầy đủ theo đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.1.2: Xác định tỷ lệ % công chức thực hiện đúng cơ cấu so với tổng số công chức thuộc UBND cấp xã. Nếu đạt tỷ lệ trên 90% số công chức thực hiện đúng cơ cấu được phê duyệt thì điểm đánh giá bằng 1; từ 70% - 90% thì điểm đánh giá bằng 0,7; từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 0,4; dưới 30% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 5.2: Nếu UBND cấp xã thực hiện bố trí công chức đã được tuyển dụng theo đúng chức danh công chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có công chức bố trí không đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.3.1: Hàng năm UBND cấp xã phải xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND cấp xã. Nếu thời điểm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trong tháng 01 của năm kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1. Thời điểm ban hành muộn hơn hoặc không ban hành thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.3.2: Xác định mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của UBND cấp xã được tính theo tỷ lệ %. Nếu thực hiện trên 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 1; thực hiện từ 50% - dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0,5; thực hiện dưới 50% kế hoạch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.3.3: Xác định tỷ lệ % số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm so với tổng số cán bộ, công chức cấp xã hiện có. Nếu đạt tỷ lệ trên 70% số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng trong năm thì điểm đánh giá bằng 1; từ 50 - 70% thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 5.4: UBND cấp xã thực hiện đúng quy định về đánh giá công chức trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.6.1: Thống kê số công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định so với tổng số công chức thuộc UBND cấp xã hiện có và tính tỷ lệ %. Nếu tỷ lệ trên 90% công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 2; từ 70% - 90% công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 1,5; từ 50% - dưới 70% công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 1; dưới 50% công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 5.6.2: Thống kê số cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định so với tổng số cán bộ thuộc UBND cấp xã hiện có và tính tỷ lệ %. Nếu tỷ lệ trên 90% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 2; từ 70% - 90% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 1,5; từ 50% - dưới 70% cán bộ cấp xã đạt

chuẩn thì điểm đánh giá bằng 1; dưới 50% cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá bằng 0.

- TC 6.1: Nếu UBND cấp xã thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và các quy định có liên quan, thể hiện ở việc tiến hành xây dựng và cập nhật quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, tiết kiệm quản lý chi tiêu, có tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tiết kiệm quản lý chi tiêu, không có tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 7.1.1: Tính số cán bộ, công chức cấp xã được trang bị máy vi tính so với tổng số cán bộ, công chức cấp xã hiện có để tính %. Nếu có 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc thì điểm đánh giá bằng 4; từ 80 - dưới 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính thì điểm đánh giá bằng 3; từ 60 - dưới 80% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính thì điểm đánh giá bằng 2; từ 40 - dưới 60% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có dưới 40% thì điểm bằng 0.

- TC 7.2: Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO theo đúng quy định tại Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000 vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước; Quyết định số 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg; Quyết định 3307/QĐ-UBND ngày 17/11/2009 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND tỉnh. Nếu thực hiện đúng quy định, đầy đủ (duy trì, cải tiến, đầy đủ các TTHC theo quy định,...) thì điểm đánh giá bằng 1; nếu thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa thực hiện hoặc không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.1.1: Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước. Nếu UBND cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì điểm đánh giá bằng 2; nếu không thực hiện thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.1.2: UBND cấp xã có áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc tại bộ phận một cửa thì điểm đánh giá bằng 2; nếu không áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc tại bộ phận một cửa thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.2.1: Xác định tỷ lệ % tổng số các TTHC đã được giải quyết theo cơ chế một cửa, trên tổng số các TTHC phải giải quyết ở cấp xã. Nếu tỷ lệ đạt trên 80% số lượng TTHC thì điểm đánh giá bằng 2; từ 70 - 80% thì điểm đánh giá bằng 1,5; từ 50 - dưới 70% thì điểm đánh giá bằng 1; dưới 50% thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.2.2: Có áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại UBND cấp xã thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không áp dụng cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại UBND cấp xã thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.3.1: Kiểm tra điều kiện cơ sở hạ tầng, phòng làm việc, chỗ ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã. Đối chiếu với những quy định về điều kiện cơ sở vật chất trong Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/06/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 2; có bố trí nhưng diện tích chưa đúng quy định thì điểm đánh giá bằng 1; không bố trí phòng làm việc hoặc không bố trí chỗ ngồi chờ cho tổ chức đến giao dịch thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.3.2: Tính số công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã được trang bị máy vi tính so với tổng số công chức hiện có tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để tính %. Nếu có 100% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính làm việc thì điểm đánh giá bằng 2; từ 60 - 80% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính thì điểm đánh giá bằng 1,5; từ 40 - 60% cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính thì điểm đánh giá bằng 1; nếu có dưới 40% thì điểm bằng 0.

- TCTP 8.3.5: Các cơ sở vật chất, trang thiết bị khác của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được quy định tại Điều 12 Chương IV Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/06/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Nếu có trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không đầy đủ thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.4.1: Nếu UBND cấp xã bố trí đủ số lượng công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thì điểm đánh giá bằng 1; nếu bố trí không đủ hoặc không bố trí thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.4.2: Rà soát chuyên môn của công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Nếu chuyên môn của công chức được bố trí đúng với yêu cầu chuyên môn tại vị trí làm việc thì điểm đánh giá bằng 1; nếu công chức được bố trí làm việc không đúng chuyên môn thì điểm đánh giá bằng 0.

- TCTP 8.4.3: Có chi trả phụ cấp cho công chức làm việc tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông đúng quy định của UBND tỉnh thì điểm đánh giá bằng 1; nếu không bố trí thì điểm đánh giá bằng 0.

2. Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của cấp xã

- Sau khi tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số CCHC, UBND cấp xã xây dựng báo cáo (*theo mẫu Báo cáo đính kèm*) gửi về UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ cấp huyện) theo quy định.

- Các tài liệu kiểm chứng (bản phô-tô hoặc bản chính) phải được gửi kèm theo Báo cáo để phục vụ cho công tác thẩm định, gồm có: Các kế hoạch, báo cáo, quyết định, các số liệu thống kê trên các lĩnh vực CCHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận để phục vụ cho việc tính điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm.

- Thời gian gửi báo cáo tự đánh giá, chấm điểm do UBND cấp huyện quy định cụ thể bằng văn bản theo Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát công tác CCHC của cấp xã

- Tổng số câu hỏi điều tra, khảo sát là: 20 câu, chia thành 4 nhóm đối tượng điều tra, khảo sát, cụ thể:

+ Khảo sát đại biểu HĐND; lãnh đạo các đoàn thể cấp xã (theo mẫu phiếu CX-01) với 11 câu;

+ Khảo sát lãnh đạo UBND cấp xã (theo mẫu phiếu CX-02) với 8 câu;

+ Khảo sát công chức thuộc UBND cấp xã (theo mẫu phiếu CX-03) với 11 câu;

+ Khảo sát các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người dân trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu phiếu CX-04) với 8 câu;

(Đính kèm các mẫu khảo sát)

- In ấn, phân bổ số lượng, tổng hợp kết quả phiếu điều tra, khảo sát công tác CCHC của UBND cấp xã do Phòng Nội vụ cấp trên trực tiếp chủ trì thực hiện;

- Phát phiếu, thu phiếu điều tra khảo sát do UBND cấp xã thực hiện.

UBND cấp huyện căn cứ các quy định hiện hành, trong phạm vi thẩm quyền đề hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp xã triển khai thực hiện đúng quy định.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của UBND cấp xã. Trong quá trình triển khai thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Phòng Nội vụ cấp huyện hoặc Sở Nội vụ (Phòng CCHC, ĐT: 0523.384480) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND cấp huyện;
- GD, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Hoàng Văn Cường